

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kiều Y, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh A.

Địa chỉ tạm trú: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều Y trình bày:

Về hôn nhân : Bà Y và ông Nguyễn Trọng N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2013 tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng mất đi. Vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau.

Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục hôn nhân nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Y và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo N1, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn An N2, sinh ngày 04/11/2017; bà Y yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1 ; giao cháu N2 cho ông N nuôi dưỡng ; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án :

Về hôn nhân : Ông N và bà Y đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B vào năm 2013. Tự nguyện kết hôn. Ông N và bà Y mâu thuẫn đã lâu, sống riêng từ tháng 3/2023 đến nay không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Ông N không có giải pháp hàn gắn gia đình. Ông N đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Ông N và bà Y có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo N1, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn An N2, sinh ngày 04/11/2017; ông N đồng ý giao cho bà Y nuôi dưỡng cháu N1 ; ông N nuôi dưỡng cháu N2; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kiều Y và ông Nguyễn Trọng N có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2013 tại UBND xã A, thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà Y và ông N là hợp pháp.

Bà Y yêu cầu ly hôn với ông N vì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng mất đi. Vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N có ý kiến : Ông N và bà Y mâu thuẫn đã lâu, sống riêng từ tháng 3/2023 đến nay không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Ông N không có giải pháp hàn gắn gia đình. Ông N đồng ý ly hôn với bà Y.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Y và ông N đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân. Đồng thời cả bà Y và ông N đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà Y và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo N1, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn An N2, sinh ngày 04/11/2017; bà Y yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1 ông N yêu cầu nuôi dưỡng cháu N2. Yêu cầu này của bà Y và ông N là phù hợp, thuận theo ý kiến của cháu N1 muốn sống với bà Y. Do đó giao cháu N1 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N2 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều Y đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng N về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bà Trịnh Thị Kiều Y được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N1, sinh ngày 08/8/2013 cho bà Trịnh Thị Kiều Y trực tiếp nuôi dưỡng ; giao cháu Nguyễn An N2, sinh ngày 04/11/2017 cho ông Nguyễn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng ; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Y và ông N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị Kiều Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0011463 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã A, thị xã B, tỉnh B;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thế Thị Ngọc Anh